

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-PT

Ngày: 09-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 175/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 do có kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Võ Văn T**, sinh năm 1989 tại Tân Hồng, Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp S, xã V1, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Võ T1 (đã chết) và bà Phan Thị T2 (đã chết); bị cáo chung sống như vợ chồng với Đồng Thị B, sinh năm 1995; bị cáo có 01 con tên Võ Đồng T3, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/11/2021 bị Ủy ban nhân dân huyện V xử phạt hành chính 15.000.000 đồng về hành vi "Tàng trữ công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ không có giấy phép" theo Quyết định xử phạt số 6826/QĐ-XPHC, đã nộp phạt ngày 03/12/2021; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

2. **Trương Minh K**, sinh ngày 29/7/2000, tại V1, V, Long An. Nơi cư trú: Ấp S, xã V1, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn M, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Hồng P, sinh năm 1982; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra còn có 01 bị cáo khác là Đồng Thị B không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- *Bị hại:* Nguyễn Hữu T4 (tên thường gọi: T5), sinh năm 1998. Nơi cư trú: Ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Nguyễn Hữu T6 (tên thường gọi: N), sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp 3, xã B1, thành phố A, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:* Trần Văn H1, sinh năm 1972.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/10/2021, Nguyễn Hữu T4 và em ruột tên Nguyễn Hữu T6, đi đến bến đò KT6 để mua bia thì nghe thấy Võ Văn T đang nói chuyện điện thoại gần đó, nên nghĩ T chửi mình. T4 và T6 cự cãi với T, T điện thoại cho Trương Minh K nhưng Đồng Thị B nghe máy, T nói với B bảo K đem 02 cây hàng (01 kiếm và 01 dao tự chế) ra bến đò KT6 để hỗ trợ T. B vào phòng ngủ lấy 01 cây kiếm đưa cho K. K vào phòng của K (cặp vách nhà T) lấy cây dao tự chế rồi cầm kiếm và dao chạy xe mô tô ra bến đò KT6 để hỗ trợ T. B điều khiển xe mô tô cầm 01 bình xịt hơi cay chạy theo sau. Khi K đến, hai bên cự cãi rồi T cùng K đánh nhau, vật lộn với T4 và T6. B dùng bình xịt hơi cay xịt vào chỗ mọi người đang đánh nhau, nhưng do ngược gió, B bị cay mắt nên đi rửa mặt và đi về nhà. T và K bỏ đi được một đoạn thì bị T4 và T6 nhặt 02 khúc cây đuổi đánh, nên T cầm kiếm, K dùng dao tự chế đánh lại T4 và T6 gây thương tích cho T4 ở đầu, khuỷu tay trái và cẳng tay trái phải nhập bệnh viện điều trị, còn T6 bị xây xát nhẹ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 06/TgT 22-PY ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Trung tâm pháp y Sở y tế Long An kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Hữu T4 là 17%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo: Võ Văn T, Trương Minh K và Đồng Thị B phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự .

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Minh K 02 (hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đồng Thị B 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày xét xử sơ thẩm (10/8/2022).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quy định thi hành án treo, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là nặng nên các bị cáo kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K thực hiện kháng cáo đúng thời hạn Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Võ Văn T, Trương Minh K, Đồng Thị B đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng, không oan. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và bị hại cũng có lỗi do đã thiếu kiểm chế, cự cãi và dùng khúc gỗ tấn công hai bị cáo T và K trước khi hai bị cáo sử dụng đến hung khí mang theo chém gây thương tích cho bị hại nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 2 năm 6 tháng tù, bị cáo K 2 năm 3 tháng tù. Các bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy: Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nên các bị cáo T và K yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ.

Về yêu cầu được hưởng án treo: Đối với bị cáo Võ Văn T: Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới ngoài các tình tiết mà cấp

sơ thẩm áp dụng. Bị cáo có nhân thân xấu, lần phạm tội này là nghiêm trọng nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trương Minh K: Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo có người thân có công với Cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạm tội với vai trò thứ yếu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên bị cáo K có đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K, giữ nguyên về hình phạt đối với các bị cáo T và K; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Minh K, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An, cho bị cáo Trương Minh K được hưởng án treo. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Võ Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và bị cáo Trương Minh K đề nghị được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Võ Văn T, Trương Minh K thực hiện kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Võ Văn T, Trương Minh K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Vào khoảng 18 giờ ngày 03/10/2021, tại bến đò KT6 thuộc ấp S, xã H, huyện V, do hiểu nhầm nên Nguyễn Hữu T4 và Nguyễn Hữu T6 xảy ra cự cãi với Võ Văn T. T điện thoại báo Trương Minh K và Đồng Thị B lấy kiếm và dao tự chế mang đến bến đò hỗ trợ T đánh lại T4 và T6. Khi K mang hung khí đến, hai bên có xảy ra xô xát bằng tay không, sau đó B dùng bình xịt hơi cay xịt vào 04 người đang đánh nhau thì các bên dừng lại. T và K bỏ đi thì bị T4 và T6 nhặt cây đuôi đánh nên T dùng kiếm, K dùng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát vào nhiều vị trí trên cơ thể gây thương tích cho Nguyễn Hữu T4 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 17%. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Võ Văn T, Trương Minh K và Đồng Thị B có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, xét xử các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và bị hại cũng có lỗi do đã thiếu kiểm chế, cựa cãi và dùng khúc gỗ tấn công hai bị cáo T và K trước khi hai bị cáo sử dụng đến hung khí mang theo chém gây thương tích cho bị hại nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 2 năm 6 tháng tù, bị cáo K 2 năm 3 tháng tù. Các bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

[4] Xét yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Võ Văn T và Trương Minh K: Hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này không những đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nên các bị cáo T và K kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Võ Văn T: Bị cáo có nhân thân thân xấu, mà phạm tội lần này là nghiêm trọng nên bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo T.

[6] Xét yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Trương Minh K: Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo có người thân là ông Trương Văn N1 là người có công Cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo có nhân thân tốt, có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội do có lỗi một phần của bị hại, được người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách tương ứng đối với bị cáo, thì bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo K cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Võ Văn T phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo Trương Minh K không phải chịu án phí do một phần kháng cáo được chấp nhận.

[8] Các khoản khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Võ Văn T.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trương Minh K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Long An, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Trương Minh K và cho bị cáo K được hưởng án treo.

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn T, Trương Minh K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Minh K 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (09/02/2023).

Giao bị cáo Trương Minh K cho Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo qui định tại Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trương Minh K không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng